

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-PT

Ngày: 23-4-2021

V/v tranh chấp hợp
đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2021/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2020/KDTM-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 19/TB-TA ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P Việt Nam (sau đây gọi là Công ty TNHH P).

Địa chỉ: Số 16, đường A, Khu công Nghiệp B, phường Ln, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S R; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 5/1, Khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/08/2020)

- Bị đơn: Tổng công ty Bảo hiểm B.

Địa chỉ: 104, Đường Đ, phường C, quận H, thành phố H. Do ông Nguyễn Xuân V – Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1977 – Chức vụ: Chuyên viên Ban giám định bồi thường tài sản Kỹ Thuật.

2. Ông Phan D, sinh năm 1987 - Chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế và kiểm tra nội bộ.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B.

(Bà N, ông D - Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm

Đơn khởi kiện của phía nguyên đơn; bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và lời trình bày của bà Lê Thị N tại phiên tòa:

Vào ngày 04/10/2016, Công ty TNHH P – Chi nhánh H và Công ty B Đ (là Chi nhánh - đơn vị trực thuộc của Tổng Công Ty Bảo Hiểm B), có địa chỉ tại: 72 C, Phường Q, Thành phố B, tỉnh Đ đã thỏa thuận, ký kết Hợp đồng bảo hiểm trộm cướp với mức phí bảo hiểm là 23.244.560 VNĐ/năm. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng Công ty P được Tổng Công ty Bảo Hiểm B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số: 366478 (*có giấy chứng nhận bảo hiểm kèm theo*) với các đối tượng được bảo hiểm và số tiền bảo hiểm cụ thể như sau:

- Quầy P tại D Plaza, 34 đường D, Phường B, Quận 1, Thành phố H, Việt Nam, số tiền bảo hiểm là 4.542.000.000 VNĐ.

- Quầy P Gold tại P Sài Gòn, 35-45 đường T, Phường B, Quận 1, Thành phố H, Việt Nam, số tiền bảo hiểm là 2.226.000.000 VNĐ.

- Quầy P Gold tại P Hùng Vương, 126 Đường V, Phường C, Quận 5, Thành phố H, Việt Nam là 3.116.400.000 VNĐ.

- Quầy P Gold tại Vincom Center T, 72 đường L và 47 đường LT, Phường B, Quận 1, Thành phố H, Việt Nam, số tiền bảo hiểm là 5.119.800.000 VNĐ.

- Quầy P Gold tại TTTM S, L2 – 11 S, 65 đường L, Phường B, Quận 1, Thành phố H, Việt Nam, số tiền bảo hiểm là 4.006.800.000 VNĐ.

- Cửa hàng M tại TTTM T, L1 – 104, 92 – 94 đường N , 56 đường L, Phường B, Quận 1, Thành phố H, Việt Nam, số tiền bảo hiểm là 289.380.000 VNĐ.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm thì hạn thanh toán bảo hiểm là ngày 03/11/2016. Theo đó Công ty TNHH P đã thanh toán toàn bộ số tiền phí bảo hiểm là 23.244.560 VNĐ cho Công ty Bảo hiểm B theo đúng ngày thỏa thuận ghi trong hợp đồng. Theo như điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng thì nếu bên Công ty P có xảy ra trộm cướp tài sản hoặc xảy ra hư hỏng tài sản do trộm cướp gây ra thì bên Công ty Bảo hiểm B sẽ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty P bằng những phương thức: Trả tiền, thay thế hoặc sửa chữa tài sản bị tổn thất tùy theo sự lựa chọn của Bảo Việt (*được quy định trong quy tắc bảo hiểm trộm cắp*).

Kể từ đó công ty P và công ty Bảo hiểm B vẫn hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Đến ngày 29/05/2017, tại quầy P - số 1075 - tầng 1 tại TTTM P - 126 đường V, phường

12, Quận B, thành phố B, Việt Nam đã xảy ra vụ trộm cắp tài sản. Đối tượng là anh Đào Nguyên A nhân viên bảo vệ của Trung tâm thương mại P đã lén lút trộm 43 món trang sức, cụ thể: 09 đôi bông tai, 01 dây chuyền, 12 cái mặt dây, 21 chiếc nhẫn.... Trong quá trình điều tra và xét xử Cơ quan điều tra đã cho định giá số trang sức trên, kết quả định giá toàn bộ trang sức mà Đào Nguyên A lấy trộm có giá trị là 703.700.000 đồng. Theo bản án số: 382/2018/HSST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H đã kết án bị cáo Đào Nguyên A 10 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” và buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho công ty P số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị mất cắp. Mặc dù gây thiệt hại với số tiền hơn 700.000.000đ, nhưng Cơ quan CSĐT đã thu hồi và bàn giao lại cho công ty P 231.950.000 đồng tiền mặt, một mặt dây chuyền và 10/11 miếng vàng trị giá 30.551.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu hồi được trong quá trình điều tra. Như vậy, tổng số tiền và trang sức mà Công ty P đã thu hồi được là: 262.501.000 đồng. Chính vì vậy, tại bản án số: 382/2018/HSST của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên buộc bị cáo phải thanh toán cho Công ty P số tiền còn lại là 441.199.000 đồng.

Đến thời điểm hiện tại Công ty P vẫn chưa hề nhận được bất kỳ một khoản tiền nào liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Do giữa Công ty P và Công ty Bảo Hiểm có ký kết hợp đồng bảo hiểm trộm cắp tài sản, cho nên trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản thuộc về bên thứ ba là “Tổng Công ty Bảo hiểm B”. Công ty chúng tôi cũng đã nhiều lần gửi thông báo tổn thất và đơn yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm đến Tổng Công ty B, kèm theo các giấy tờ, tài liệu liên quan đến tổn thất, liên quan đến vụ trộm ngày 27/5/2017. Tuy nhiên, từ đó đến nay đã 02 năm trôi qua nhưng phía bên Công ty bảo hiểm B vẫn chưa tiến hành chi trả tiền bồi thường bảo hiểm cho Công ty P. Trước đó bên phía Công ty bảo hiểm B đã nhiều lần yêu cầu bên phía Công ty tôi phải cung cấp những giấy tờ, tài liệu để làm căn cứ để giải quyết chi trả tiền bảo hiểm. Trước yêu cầu của Công ty bảo hiểm B, phía công ty P cũng đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu của công ty bảo hiểm như: Biên bản sự việc, Đơn cơ mất dính kèm danh sách 43 trang sức bị mất, bản án có hiệu lực của Đào Nguyên A, đơn yêu cầu bồi thường, biên bản xác lập hàng hóa, thẩm định giá tài sản.....(có *bảng kê hồ sơ cung cấp cho công ty bảo hiểm B chi nhán Đ kèm theo*). Ngoài ra tại thời điểm xảy ra vụ việc Công ty bảo hiểm cũng có nhờ bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Giám Định E đứng ra hỗ trợ lấy hồ sơ để thực hiện việc chi trả tiền bồi thường. Tuy nhiên, không biết vì lý do gì mà bên Bảo hiểm cứ kéo dài thời gian chi trả tiền bồi thường cho công ty P, không những thế phía bảo hiểm còn gây khó khăn trong việc yêu cầu Công ty P cung cấp những tài liệu không có liên quan gì đến sự kiện bảo hiểm.

Công ty P đã ký hợp đồng bảo hiểm và thực hiện đúng nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng, việc phía Bảo hiểm B cố tình kéo dài thời gian chi trả tiền bảo hiểm đã gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Nay công ty TNHH P làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ giải quyết buộc:

1. Buộc Tổng Công ty Bảo Hiểm B phải chi trả tiền bồi thường cho Công ty TNHH P số tiền là: 441.199.000đồng theo hợp đồng bảo hiểm trộm cắp đã ký

kết ngày 04/10/2016 giữa công ty P – Chi nhánh TP. H và Công ty B chi nhánh Đ.

2. Yêu cầu Công ty Bảo Hiểm B phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ xảy ra sự kiện bảo hiểm đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính từ ngày 29/5/2017 đến ngày 28/9/2020 là $441.199.000đ \times 40 \text{ tháng} \times 1,6\%/1 \text{ tháng} = 282.367.360đ$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là Yêu cầu Công ty Bảo Hiểm B phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày thứ 15 kể từ ngày Công ty TNHH P gửi hồ sơ đầy đủ lần cuối cùng cho Tổng công ty Bảo hiểm B đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính từ ngày 13/6/2019 đến ngày 28/9/2020 là $441.199.000đ \times 15,5 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} (10\% / \text{năm}) = 56.988.204đ$. Như vậy, tổng số tiền mà Công ty P yêu cầu Tổng Công ty bảo hiểm B chi trả là: 498.187.204đ đồng (*Bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm lẻ bốn đồng*).

Tại Bản tự khai ngày 09/3/2020 của Tổng công ty bảo hiểm B gửi cho Tòa án theo đường bưu điện; bản khai ngày 31/7/2020 của đại diện theo ủy quyền của phía bị đơn ông Phan D, bà Nguyễn Thị Lan P và lời trình bày của ông D và bà P tại phiên tòa như sau:

Công ty TNHH P (NDBH) tham gia hợp đồng Bảo hiểm trộm cắp số: 366478 do công ty Bảo hiểm B cấp ngày 04/10/2016. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 04/10/2016 đến ngày 03/10/2017; NDBH đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.

Ngay sau khi nhận được thông báo tổn thất từ Công ty B chi nhánh Đ, được sự đồng thuận của Công ty TNHH P, phía bị đơn đã phối hợp chỉ định Công ty Cổ phần giám định E là nhà giám định độc lập giải quyết vụ tổn thất. Ngay sau khi nhận được báo cáo và toàn bộ hồ sơ được thu thập bởi Công ty cổ phần giám định E, phía bị đơn đã có một số trao đổi với phía Công ty thẩm định và có văn bản gửi tới phía nguyên đơn nhằm làm rõ cơ sở pháp lý và các vấn đề có liên quan đến việc xác định tài sản bị tổn thất, cũng như giá trị tổn thất theo quy định của Đơn bảo hiểm đã cấp.

Căn cứ vào hồ sơ được thu thập bởi đơn vị giám định độc lập, các mã hàng bị tổn thất được ghi nhận và xác định chỉ căn cứ vào kê khai của phía nguyên đơn mà không có bất kỳ các chứng từ, bằng chứng khách quan để chứng minh cho việc các mã hàng đó đã được nhập vào quầy trước khi bị mất, theo đó chưa đủ chứng cứ và bằng chứng khách quan theo quy định để xác định các mặt hàng nữ trang bị mất theo đúng nội dung kê khai của nguyên đơn.

Mặt khác, căn cứ vào các hồ sơ tài liệu nhận được đến thời điểm hiện tại, phía bị đơn nhận thấy đơn giá tính toán thiệt hại theo khiếu nại yêu cầu bồi thường của phía nguyên đơn tương ứng với số nữ trang mất trộm là đơn giá bán của sản phẩm. Giá bán của sản phẩm không chỉ bao gồm toàn bộ chi phí để sản xuất ra sản phẩm và các chi phí cần thiết có liên quan để có được sản phẩm tại địa điểm được bán mà còn bao gồm một khoản lợi nhuận mà phía nguyên đơn sẽ chỉ được hưởng trong tương lai nếu sản phẩm đó đã bán được.

Trong khi đó theo nguyên lý tính toán bồi thường của bảo hiểm, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chỉ được phép chi trả bồi thường cho tổn thất của tài sản đúng với nguyên trạng của tài sản trước khi bị tổn thất, tức là chỉ bao gồm các giá trị, chi phí kết tinh hình thành lên tài sản, các chi phí để tài sản đó có tại địa điểm bị tổn thất, mà không bao gồm lợi nhuận trong tương lai. Lợi nhuận này chưa được hình thành và kết tinh vào giá trị của tài sản tại địa điểm và thời điểm đối tượng bị tổn thất, thực tế việc xác định giá trị của khoản lợi nhuận này là chưa có căn cứ, không chắc chắn, có thể có, có thể không, phụ thuộc vào tài sản có bán được hay không, hoặc có bán được đúng giá hay không?

Như vậy đối với vụ việc này, tài sản là nữ trang do doanh nghiệp trực tiếp chế tác, sản xuất, cơ sở tính toán số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, phải xác định căn cứ trên cơ sở số lượng, chủng loại nữ trang bị mất và giá vốn (giá thành sản xuất) của số nữ trang này, cùng với chi phí cần thiết và hợp lý, hợp lệ phát sinh để có được số nữ trang tại thời điểm và nơi xảy ra tổn thất. Chính vì vậy, phía bị đơn đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp bảng giá thành của toàn bộ mã hàng mỹ kim tại quầy P làm cơ sở xác định giá vốn của mã nữ trang bị mất cũng như giá vốn của mã hàng có liên quan có tại địa điểm tham gia bảo hiểm bị tổn thất, để xem xét đánh giá tính tương thích của giá trị tham gia bảo hiểm theo quy định của hợp đồng bảo hiểm mà các bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, cho đến nay phía bị đơn vẫn chưa nhận được hồ sơ.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường tối đa không quá số tiền tham gia bảo hiểm, vì vậy quá trình tính toán xem xét vụ tổn thất này, phía bị đơn cần xem xét giá trị hàng tồn kho của từng đại điểm tham gia bảo hiểm để xem xét tính bảo hiểm đầy đủ, tương thích của từng địa điểm tham gia bảo hiểm. Trường hợp người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm dưới giá trị (số tiền bảo hiểm nhỏ hơn giá trị tài sản, hàng hóa tại điểm được bảo hiểm) thì phía người bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền tham gia bảo hiểm và giá trị tài sản được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất. Theo đó, để có căn cứ đánh giá và xem xét vấn đề này theo quy định hiện hành, phía bị đơn đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp báo cáo tài chính, báo cáo tồn kho, bảng tính giá thành sản phẩm để làm cơ sở xác định giá trị hàng hóa tại thời điểm tổn thất, tuy nhiên cho đến thời điểm này, phía bị đơn vẫn chưa nhận được hồ sơ này.

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu đến thời điểm hiện tại, Đào Nguyên A được xác định là đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và đã bị xét xử kết án theo quy định. Tuy nhiên đối với phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại cần có thêm các tài liệu và hồ sơ để xác định có phát sinh hay không có phát sinh trách nhiệm liên đới phải bồi thường về mặt dân sự cho phía nguyên đơn của bất cứ bên thứ ba nào có liên quan đến vụ tổn thất. Do đó, để bảo đảm quyền lợi truy đòi bên thứ ba gây thiệt hại của phía bị đơn khi giải quyết bồi thường cho phía nguyên đơn, phía bị đơn đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp Hợp đồng thuê mặt bằng cũng như Hợp đồng dịch vụ bảo vệ giữa các bên có liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi truy đòi bồi hoàn từ bên thứ ba gây thiệt hại của bên bảo hiểm. Tuy nhiên phía bị đơn vẫn chưa nhận được sự hỗ trợ từ phía nguyên đơn để cung cấp hồ sơ này.

Sau buổi đối chất giữa hai bên vào ngày 19/6/2020 nguyên đơn vẫn chưa cung cấp hồ sơ để Bảo Việt tiến hành giải quyết bồi thường. Do đó nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện B khi chưa cung cấp các hồ sơ có liên quan theo cam kết Hợp đồng Bảo hiểm giữa các bên.

Do đó, Tổng công ty Bảo hiểm B đề nghị Toà án không chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH P, khi B chưa từ chối bằng văn bản trách nhiệm của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty B Đ trình bày:

Công ty B Đ là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Bảo hiểm B, theo đó Công ty B Đ không phải là một pháp nhân mà là một bộ phận của Tổng công ty Bảo hiểm B. Tất cả các hợp đồng mà Công ty B Đ giao kết đều thay mặt cho Tổng công ty Bảo hiểm B. Do đó, các vấn đề liên quan đến tố tụng của Tòa án đều thuộc thẩm quyền của Tổng công ty Bảo hiểm B. Do đó, Công ty không phải là pháp nhân độc lập nên không thể trực tiếp đứng ra thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 25/2021/KDTM – ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 68; 84; 86; 87; Điều 244 **Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 30 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010.** Áp dụng Điều 274; 275 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 15, 21, 46, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp chi trả tiền bồi thường bảo hiểm” đối với Tổng công ty Bảo hiểm B:

+ Buộc Tổng công ty bảo hiểm B phải thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền là **421.199.000đ** (Bốn trăm hai mươi một triệu một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

+ Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc buộc Công ty Bảo Hiểm B phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày thứ 15 kể từ ngày Công ty TNHH P gửi hồ sơ đầy đủ lần cuối cùng cho Tổng công ty Bảo hiểm B đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính từ ngày 13/6/2019 đến ngày 28/9/2020 là $441.199.000đ \times 15,5 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng (10\%/năm) = 56.988.204đ$

Sau khi Tổng công ty Bảo hiểm B đã chi trả số tiền bảo hiểm trên, Công ty TNHH P phải tiến hành các thủ tục chuyển quyền yêu cầu bồi thường đối với Đào Nguyên Anh cho Tổng Công ty bảo hiểm B.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020 bị đơn kháng cáo cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn được bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm nên yêu cầu của công ty TNHH P về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm là có căn cứ. Quầy P Gold thuộc đối tượng được bảo hiểm quy định tại Giấy chứng nhận bảo hiểm và sự việc mất trộm không thuộc những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010 và những điểm loại trừ quy định tại những điểm loại trừ trách nhiệm bồi thường tại Quy tắc bảo hiểm trộm cướp, nội dung điều khoản bổ sung của Bảo hiểm B nên khi xảy ra sự việc mất trộm tài sản thì bảo hiểm B có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm. Tổng công ty bảo hiểm B trình bày do công ty TNHH P không cung cấp các tài liệu mà Tổng công ty bảo hiểm B yêu cầu nên không có căn cứ chi trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo là không có căn cứ. Theo quy định tại Điều 46 Luật bảo hiểm thì số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất, số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Như vậy, theo giấy chứng nhận bảo hiểm thì số tiền bảo hiểm tại quầy P Gold là 3.116.400.000 đồng và số tiền bảo hiểm Công ty TNHH P yêu cầu là 441.199.000 đồng, Tổng công ty bảo hiểm B phải có trách nhiệm chi trả đối với số tiền bảo hiểm này sau khi trừ đi mức khấu trừ là 20.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự đã được cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH P khởi kiện yêu cầu buộc Tổng công ty Bảo hiểm B chi trả tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng mà các bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật của vụ án xác định là “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp chi trả tiền bồi thường bảo hiểm” là chưa chính xác cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Việc ký kết hợp đồng bảo hiểm trộm cắp ngày 04/10/2016 giữa Công ty B Đ , là công ty trực thuộc của Tổng Công ty Bảo Hiểm B với công ty TNHH P – Chi nhánh TP. H với mức phí bảo hiểm, địa điểm được bảo hiểm, thời hạn

tham gia bảo hiểm, cũng như việc nộp phí bảo hiểm và sự kiện bảo hiểm đã được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3.2] Sau khi xảy ra trộm cắp vào ngày 29/5/2017, tại Quầy P Gold tại P đã được công ty P – Chi nhánh TP. H trình báo với cơ quan chức năng, lập biên bản ghi nhận sự việc, thống kê các tài sản bị mất phù hợp với các phiếu xuất kho, bảng kê; bảng xác nhận mất hàng hóa; sổ kiểm hàng của phía công ty P– Chi nhánh TP. H cung cấp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H (Bút lục 295). Công ty TNHH P đã thông báo, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, phối hợp cùng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Tổng Công ty Bảo hiểm B để xác định thiệt hại bị mất của Công ty TNHH P là 703.700.000 đồng. Trừ phần tài sản đã thu hồi được số tiền 262.501.000 đồng, phần còn lại yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là đúng với các điều khoản mà các bên đã ký kết trong Hợp đồng bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm trộm cắp chính Công ty bảo hiểm đề ra.

[3.3] Việc xác định thiệt hại cũng do chính đơn vị giám định do bị đơn cử là Công ty Cổ phần giám định E để giám định thu thập tài liệu và chứng minh tổn thất xảy ra. Tòa án sơ thẩm viện dẫn các quy định tại Điều 21, Điều 46 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định tổn thất và buộc bị đơn phải bồi thường là đúng quy định.

Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty Bảo hiểm B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Không chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 274; 275 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 15, 21, 30, 46, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp chi trả tiền bồi thường bảo hiểm” đối với Tổng công ty Bảo hiểm B:

+ Buộc Tổng công ty bảo hiểm B phải thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền là **421.199.000đ** (Bốn trăm hai mươi một triệu, một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc buộc Công ty Bảo Hiểm B phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ

ngày thứ 15 kể từ ngày Công ty TNHH P gửi hồ sơ đầy đủ lần cuối cùng cho Tổng công ty Bảo hiểm B đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

3. Sau khi Tổng công ty Bảo hiểm B đã chi trả số tiền bảo hiểm trên, Công ty TNHH P phải tiến hành các thủ tục chuyển quyền yêu cầu bồi thường đối với Đào Nguyên A cho Tổng Công ty Bảo hiểm B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

4. Về án phí:

Buộc bị đơn là Tổng công ty Bảo hiểm B phải chịu 20.847.960đ án phí sơ thẩm và 2.000.000đ án phí phúc thẩm, trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 7231 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Tổng công ty Bảo hiểm B còn phải nộp 20.847.960đ (Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

Buộc nguyên đơn là Công ty TNHH P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.849.410đ, trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 14.777.123đ theo Biên lai thu số 0007597 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền 11.927.713đ (Mười một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm mười ba đồng) còn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương

